

# KẾT QUẢ RÈN LUYỆN KỸ NĂNG SỐNG CỦA HỌC SINH LỚP 5 TRƯỜNG TIỂU HỌC THUỘC KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

OUTCOMES RELATED TO LIFE-SKILL PRACTICE  
OF 5<sup>th</sup> GRADE PUPILS AT 3<sup>rd</sup> ZONE, THU DUC CITY

DƯƠNG THỊ ĐÀO HOA(\*) và LÊ THỊ HOA(\*\*)

**TÓM TẮT:** Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh tiểu học là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong nhà trường. Vì kỹ năng sống là cách thức giúp học sinh tồn tại và phát triển bản thân trong xã hội. Bài viết này đề cập đến kết quả rèn luyện kỹ năng sống của học sinh lớp 5 tại 06 trường tiểu học thuộc khu vực 3, thành phố Thủ Đức.

**Từ khóa:** rèn luyện kỹ năng sống; xác định mục tiêu; thuyết trình; hợp tác; tìm kiếm và xử lý thông tin; ra quyết định; vượt qua căng thẳng; học sinh lớp 5.

**ABSTRACT:** Training life-skills to primary pupils is one important task at schools as life-skills help primary pupils to survive and develop themselves in the society. This article presents the outcomes related to life-skill practice of 5<sup>th</sup> grade pupils at 06 primary schools in 3<sup>rd</sup> Zone, Thu Duc City.

**Key words:** life-skill practice; aim setting; presentation; corporation; searching and processing information; decision making; stress overcoming; 5<sup>th</sup> grade pupils.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình giáo dục tiểu học được ban hành theo Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14-6-2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã xác định rõ “mục tiêu của giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, phẩm chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên trung học cơ sở” [5]. Trong đó, giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống là một trong những nội dung rất quan trọng để rèn luyện đạo đức, hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh [2]. Đối với bậc tiểu học, nhà trường thực hiện chức năng kép vừa dạy chữ vừa dạy người. Đề cập đến vấn đề này, Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của Ban Chấp hành

Trung ương – Khóa XI được ban hành nhằm tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống đạo đức, khả năng sáng tạo,... của người học, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế [1]. Tiếp theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28-02-2014 quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, trong đó nêu rõ trách nhiệm của các cơ sở giáo dục là phải đảm bảo chất lượng giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa [3]. Việc giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống đòi hỏi một quá trình lâu dài, có kế hoạch rõ ràng và được tập

(\*) CN. Trường Tiểu học Thái Văn Lung, daohocthaivanlung@gmail.com

(\*\*) PGS.TS, hoatuan1955@gmail.com, Mã số: TCKH26-16-2021

luyện thường xuyên mỗi ngày từ lớp nhỏ đến lớp lớn, nhằm giúp các em biết cách xử lý những tình huống xảy ra với bản thân, từ đó các em trở nên tự tin và sống hạnh phúc mỗi ngày. Giáo viên các trường tiểu học thuộc khu vực 3, thành phố Thủ Đức nói riêng đã nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Đối với lớp 5, học sinh được rèn luyện 06 kỹ năng sống cơ bản [4]. Thế nhưng trong thực tế, kết quả rèn luyện 06 kỹ năng sống cơ bản của học sinh lớp 5 còn nhiều hạn chế do giáo viên chưa tận dụng hết cơ hội trên lớp học cũng như các hoạt động ngoài lớp để giáo dục kỹ năng sống cho các em.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Tổ chức nghiên cứu

Bài viết tìm hiểu về tự đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên về kết quả rèn luyện 06 kỹ năng sống cơ bản của học sinh lớp 5.

*Phương pháp khảo sát:* 1) Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: sử dụng phiếu hỏi dành

cho giáo viên và học sinh để khảo sát kết quả rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua tiết dạy kỹ năng sống 1 tiết/tuần; 2) Phương pháp phỏng vấn: trò chuyện với giáo viên dạy lớp 5 và cán bộ quản lý tại 06 trường tiểu học khu vực 3, thành phố Thủ Đức để tìm hiểu sâu nguyên nhân của thực trạng trên; 3) Phương pháp quan sát: quan sát các hoạt động của giáo viên và học sinh ở trường để xác nhận ý kiến của giáo viên và học sinh qua bảng hỏi; 4) Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động: nghiên cứu kế hoạch giáo dục, giáo án của giáo viên; các văn bản chỉ đạo của ban giám hiệu trường có liên quan đến rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

*Đối tượng khảo sát:* tiến hành khảo sát 53 giáo viên, 360 học sinh lớp 5 tại 06 trường tiểu học khu vực 3, thành phố Thủ Đức.

### 2.2. Kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát kỹ năng sống của học sinh lớp 5 tại 06 trường tiểu học.

**Bảng 1.** Tự đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên về kỹ năng xác định mục tiêu

| Kỹ năng xác định mục tiêu                               | Đánh giá |           |             |           |          |           |
|---------------------------------------------------------|----------|-----------|-------------|-----------|----------|-----------|
|                                                         | Có       |           | Còn hạn chế |           | Không    |           |
|                                                         | Tỷ lệ %  |           | Tỷ lệ %     |           | Tỷ lệ %  |           |
|                                                         | Học sinh | Giáo viên | Học sinh    | Giáo viên | Học sinh | Giáo viên |
| Mục tiêu trong học tập                                  | 11,39    | 9,43      | 61,11       | 67,92     | 27,50    | 22,64     |
| Mục tiêu rèn luyện sức khỏe                             | 15,00    | 9,43      | 71,94       | 75,47     | 13,06    | 15,09     |
| Mục tiêu rèn luyện cách ứng xử với bạn bè và mọi người  | 20,00    | 13,21     | 58,61       | 64,15     | 21,39    | 22,64     |
| Mục tiêu thực hiện bốn phận của bản thân trong gia đình | 16,11    | 11,32     | 42,50       | 45,28     | 41,39    | 43,40     |

Kỹ năng xác định mục tiêu là khả năng con người biết đề ra mục tiêu cho bản thân trong cuộc sống, cũng như lập kế hoạch cho việc thực hiện những mục tiêu đó. Nó cũng giúp cho con người sống có lý tưởng, định hướng, kế hoạch và sống tốt hơn. Kỹ năng này hướng vào bốn hướng rèn luyện cơ bản. Đó là: mục tiêu trong học tập, mục tiêu rèn

luyện sức khỏe, mục tiêu rèn luyện cách ứng xử với bạn bè và mọi người, mục tiêu thực hiện bốn phận của bản thân trong gia đình. Nhưng theo bảng 1, hầu hết học sinh và giáo viên đều đánh giá tỷ lệ còn hạn chế và không đạt được bốn mục tiêu trên là hơn 80%. Để lý giải cho hiện trạng đó ta cần xét về mặt tâm lý, học sinh lớp 5 vẫn còn mang nặng tư duy

trực quan. Do đó, khả năng đề ra mục tiêu và kế hoạch thực hiện của học sinh còn rất nhiều hạn chế. Đa số học sinh còn mang tính rập khuôn, hình thức và chưa có điều kiện đề lên

ý tưởng riêng mà chỉ được giáo viên chuẩn bị cho hệ thống câu hỏi, xây dựng tình huống. Cách trình bày các mục tiêu của học sinh cũng còn rất gượng gao.

**Bảng 2.** Tự đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên về kỹ năng thuyết trình

| TT | Kỹ năng thuyết trình                                                                                                        | Đánh giá |           |             |           |          |           |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|-------------|-----------|----------|-----------|
|    |                                                                                                                             | Có       |           | Còn hạn chế |           | Không    |           |
|    |                                                                                                                             | Tỷ lệ %  |           | Tỷ lệ %     |           | Tỷ lệ %  |           |
|    |                                                                                                                             | Học sinh | Giáo viên | Học sinh    | Giáo viên | Học sinh | Giáo viên |
| 1  | Bài thuyết trình có đầy đủ thông tin không?                                                                                 | 70,28    | 64,15     | 27,22       | 30,19     | 2,50     | 5,66      |
| 2  | Các thông tin có chính xác không?                                                                                           | 70,28    | 66,04     | 26,67       | 26,42     | 3,06     | 7,55      |
| 3  | Các thông tin có đáp ứng được yêu cầu của người nghe không?                                                                 | 65,56    | 56,60     | 28,61       | 37,74     | 5,83     | 5,66      |
| 4  | Phần giới thiệu của học sinh có thu hút được sự chú ý của người nghe không?                                                 | 17,22    | 9,43      | 66,67       | 69,81     | 16,11    | 20,75     |
| 5  | Học sinh có dẫn dắt được vào vấn đề cần trình bày một cách cô đọng, súc tích không?                                         | 17,78    | 5,66      | 59,44       | 66,04     | 22,78    | 28,30     |
| 6  | Các nội dung có được sắp xếp rõ ràng, chặt chẽ không?                                                                       | 16,39    | 7,55      | 58,06       | 64,15     | 25,56    | 30,19     |
| 7  | Phần kết luận có ấn tượng và dễ nhớ không?                                                                                  | 17,22    | 7,55      | 64,72       | 67,92     | 18,06    | 26,42     |
| 8  | Học sinh có thường đặt câu hỏi cho người nghe không?                                                                        | 16,67    | 9,43      | 68,06       | 71,70     | 15,28    | 18,87     |
| 9  | Học sinh có trả lời được các câu hỏi của người nghe không?                                                                  | 14,44    | 9,43      | 72,22       | 69,81     | 13,33    | 20,75     |
| 10 | Học sinh có sử dụng công cụ trực quan như tranh, ảnh, máy tính, đồ dùng... để minh họa cho bài thuyết trình của mình không? | 15,28    | 5,66      | 72,50       | 79,25     | 12,22    | 15,09     |
| 11 | Hình ảnh minh họa có đẹp, rõ nét không?                                                                                     | 15,00    | 5,66      | 76,11       | 83,02     | 8,89     | 11,32     |
| 12 | Giọng nói của học sinh có rõ ràng, linh hoạt, hấp dẫn không?                                                                | 18,06    | 7,55      | 76,11       | 83,02     | 5,83     | 9,43      |
| 13 | Học sinh có biết cách ngắt nghỉ hợp lý khi nói không?                                                                       | 22,50    | 11,32     | 63,06       | 66,04     | 14,44    | 22,64     |
| 14 | Cử chỉ, tư thế của học sinh có tự tin không?                                                                                | 16,39    | 5,66      | 70,56       | 67,92     | 13,06    | 26,42     |
| 15 | Học sinh có mỉm cười và sử dụng giao tiếp bằng mắt với người nghe không?                                                    | 11,67    | 3,77      | 71,39       | 60,38     | 16,94    | 30,19     |
| 16 | Học sinh có trình bày nội dung đủ với thời lượng được cho phép không?                                                       | 10,83    | 5,66      | 68,9        | 60,38     | 20,28    | 33,96     |
| 17 | Học sinh có hài lòng với phần trình bày của mình không?                                                                     | 19,17    | 9,43      | 60,83       | 66,04     | 20,00    | 24,53     |
| 18 | Những điểm nào học sinh cần cải thiện?                                                                                      |          |           |             |           |          |           |

Kỹ năng thuyết trình là cách thức mà người nói truyền đạt thông tin, ý tưởng đến người nghe bằng lời nói nhằm hướng đến mục tiêu thuyết phục, cung cấp thông tin cho một người hay một nhóm người. Tuy nhiên, không phải ai cũng có đủ sự tự tin và kỹ năng thuyết trình tốt. Đặc biệt là học sinh tiểu học và kể cả

học sinh lớp 5. Theo bảng 2, kỹ năng thuyết trình của học sinh lớp 5 còn rất nhiều hạn chế, chẳng hạn như: trình bày, sắp xếp thông tin rõ ràng, chặt chẽ; giọng nói, ngôn ngữ hình thể, sự tự tin thì chỉ có dưới 20% học sinh tự đánh giá bản thân đạt yêu cầu và trong đánh giá của giáo

viên thì tỷ lệ còn thấp hơn khi chiếm đa số là dưới 10% hài lòng.

Trao đổi về vấn đề này, cô N.T.N.H cho rằng: “*Học sinh chưa có kỹ năng thuyết trình, đa số các em khi lên trình bày đều run, thiếu tự tin, nói chưa lưu loát, trình bày chưa đủ ý, chủ yếu là đọc trong sách giáo khoa, chưa có sự mở rộng dẫn đến thông tin thiếu sự cuốn hút đối với người nghe*”. Về phía học sinh, em N.T.Q tâm sự: “*Em không hài lòng về phần trình bày của mình, vì em nói hơi nhỏ, giọng em hơi run nên các bạn không thích nghe lắm. Hơn nữa em chưa biết cách nói sao cho cuốn hút người nghe nên chỉ nói được vài câu là hết ý diễn đạt*”.

Nói về những điểm cần cải thiện, cô N.T.T.H cho rằng: “*Học sinh lớp 5 cần được cải thiện nhiều về kỹ năng thuyết trình, bởi lẽ*

*các em chưa tự tin khi nói trước đám đông, thông tin rời rạc, chưa phong phú. Hầu hết các em chỉ đọc thông tin từ sách giáo khoa chứ chưa diễn đạt bằng ngôn ngữ nói để thuyết phục người nghe*”. Học sinh T.T.A chia sẻ thêm: “*Em cần phải tự tin hơn, nói lưu loát hơn và nhất là biết cách nói diễn cảm để bạn thích nghe hơn*”.

Từ phân tích trên cho thấy việc rèn luyện kỹ năng thuyết trình cho học sinh lớp 5 trong giai đoạn hiện nay là vô cùng quan trọng. Nhưng thực tế, việc rèn luyện kỹ năng thuyết trình cho học sinh lớp 5 chưa được chú trọng đúng mức dẫn đến việc học sinh không biết trình bày ý kiến, thuyết trình nội dung chủ yếu; đa số học sinh chưa có đủ tự tin giới thiệu bản thân trước tập thể, trình bày suy nghĩ, quan điểm về một vấn đề, sự kiện cụ thể.

**Bảng 3.** Tự đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên về kỹ năng hợp tác với bạn bè và mọi người

| TT | Kỹ năng hợp tác                                                               | Đánh giá |           |             |           |          |           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|-------------|-----------|----------|-----------|
|    |                                                                               | Có       |           | Còn hạn chế |           | Không    |           |
|    |                                                                               | Tỷ lệ %  |           | Tỷ lệ %     |           | Tỷ lệ %  |           |
|    |                                                                               | Học sinh | Giáo viên | Học sinh    | Giáo viên | Học sinh | Giáo viên |
| 1  | Chủ động xung phong nhận nhiệm vụ                                             | 18,89    | 13,21     | 76,11       | 79,25     | 5,00     | 7,55      |
| 2  | Tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm                          | 32,50    | 22,64     | 47,50       | 52,83     | 20,00    | 24,53     |
| 3  | Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét ý kiến bạn bè trong nhóm                   | 36,39    | 28,30     | 60,28       | 62,26     | 3,33     | 9,43      |
| 4  | Luôn cố gắng, nỗ lực hoàn thành phần việc của bản thân đã được nhóm phân công | 30,28    | 26,42     | 62,78       | 56,60     | 6,94     | 16,98     |
| 5  | Quan tâm hỗ trợ các thành viên khác trong nhóm khi khó khăn                   | 18,61    | 9,43      | 59,44       | 64,15     | 21,94    | 26,42     |
| 6  | Tôn trọng quyết định chung của cả nhóm                                        | 59,72    | 45,28     | 40,28       | 54,72     | 0,00     | 0,00      |
| 7  | Kết quả làm việc được đánh giá tốt, theo quy định và đảm bảo đúng thời gian   | 30,00    | 16,98     | 59,17       | 60,38     | 10,83    | 22,64     |
| 8  | Biết chịu trách nhiệm về thành công hay thất bại của nhóm                     | 17,22    | 5,66      | 77,22       | 81,13     | 5,56     | 13,21     |

Con người cần phải hoạt động cùng nhau để hoàn thành những việc mà một mình không thể làm được ở một thời gian nhất định với độ chuyên môn hóa cao. Rèn luyện kỹ năng hợp tác với bạn bè và mọi người là rèn luyện cho học sinh một số yêu cầu cơ bản như: chủ động

xung phong nhận nhiệm vụ; tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch nhóm; biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến của bạn bè trong nhóm;... Học sinh biết tôn trọng quyết định chung của cả nhóm (bảng 3, học sinh tự đánh giá: 59,72%; giáo viên đánh giá: 45,28%) và tỷ

lệ bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ theo đúng quy định thời gian, tiến độ có dấu hiệu tích cực (học sinh tự đánh giá: 30% và giáo viên nhận định chỉ có 16,98%). Nhưng xét trên một phương diện tổng thể, có thể khẳng định rằng: học sinh tiểu học nói chung, học sinh lớp 5 nói riêng chưa hình thành được kỹ năng hợp tác với bạn bè và người khác tốt. Đặc biệt là khả năng lắng

nghe, giải quyết mâu thuẫn,... chưa được rèn luyện qua các hoạt động cụ thể.

Tìm hiểu về kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin của học sinh lớp 5, một tình huống được nêu ra để giáo viên đánh giá về học sinh và học sinh tự đánh giá mình như sau: Một bạn đang tìm đường đến một hiệu sách. Bạn đó loay hoay chưa biết đường đi như thế nào. Theo em, bạn nên chọn lựa cách giải quyết nào dưới đây?

**Bảng 4.** Tự đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên về kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin

| TT | Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin                                                  | Đánh giá |           |             |           |          |           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|-------------|-----------|----------|-----------|
|    |                                                                                      | Có       |           | Còn hạn chế |           | Không    |           |
|    |                                                                                      | Tỷ lệ %  |           | Tỷ lệ %     |           | Tỷ lệ %  |           |
|    |                                                                                      | Học sinh | Giáo viên | Học sinh    | Giáo viên | Học sinh | Giáo viên |
| 1  | Quay về nhà hỏi rõ cách đi để lần sau sẽ đến                                         | 17,78    | 11,32     | 46,39       | 45,28     | 35,83    | 43,40     |
| 2  | Gọi điện thoại cho người thân nhờ hướng dẫn cách đi                                  | 38,61    | 26,42     | 34,17       | 37,74     | 27,22    | 35,85     |
| 3  | Hỏi thăm người đi đường                                                              | 56,94    | 47,17     | 38,33       | 50,94     | 4,72     | 1,89      |
| 4  | Xem bản đồ                                                                           | 6,67     | 9,43      | 68,61       | 56,60     | 24,72    | 33,96     |
| 5  | Tìm đường trên điện thoại qua GPS (hệ thống định vị toàn cầu qua vệ tinh viễn thông) | 8,89     | 7,55      | 71,11       | 71,70     | 20,00    | 20,75     |
| 6  | Cách khác                                                                            |          |           |             |           |          |           |

Kết quả ở bảng 4 cho thấy có 56,94% học sinh lựa chọn cách hỏi thăm người đi đường và giáo viên chọn cách này chiếm 47,17%. Đây là sự lựa chọn có tỷ lệ cao nhất. Điều này cũng dễ hiểu vì học sinh lớp 5 còn nhỏ tuổi, đa số cha mẹ chưa cho các em sử dụng điện thoại khi ra đường, vì vậy các nội dung liên quan đến việc sử dụng điện thoại như: gọi điện thoại cho người thân nhờ hướng dẫn cách đi, tìm đường trên điện thoại qua GPS (hệ thống định vị toàn cầu qua vệ tinh viễn thông) có tỷ lệ lựa chọn cả học sinh và giáo viên đều thấp.

Tìm hiểu lý do vì sao không xem bản đồ khi đi đường, em N.T.P.A chia sẻ “*bản đồ rất khó nhìn, nhiều khi hiệu sách nhỏ không được thể hiện trên bản đồ nên có xem em cũng không biết*”. Em H.M.Q cho rằng: “*nhà em không có bản đồ để xem*”. Có học sinh chọn

cách quay về nhà hỏi rõ cách đi để lần sau sẽ đến, nhưng chỉ chiếm 17,78%. Lý giải về vấn đề này, em V.M.N cho biết: “*cách này an toàn hơn nhưng mất thời gian*”. Cả học sinh và giáo viên không có ý kiến gì thêm. Như vậy, có thể nói học sinh lớp 5 mới chỉ bước đầu biết tìm kiếm và xử lý thông tin.

Ra quyết định là đưa ra kết luận về một vấn đề nào đó, kết luận đó có thể đúng, có thể sai tùy theo mức độ nhận thức của mỗi người. Kết quả ở bảng 5 cho thấy khi học sinh lớp 5 có quyết định sai lầm, cách lựa chọn nhiều nhất được học sinh tự đánh giá là tham khảo ý kiến người lớn với tỷ lệ 41,11% và giáo viên đánh giá là 33,96%. Một số học sinh lớp 5 chưa tự quyết định được vấn đề liên quan đến bản thân mà phải dựa vào người lớn, phụ thuộc vào quyết định của người lớn.

**Bảng 5.** Tự đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên về kỹ năng ra quyết định

| TT                                                                         | Kỹ năng ra quyết định                                                              | Đánh giá |           |             |           |          |           |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|-------------|-----------|----------|-----------|
|                                                                            |                                                                                    | Có       |           | Còn hạn chế |           | Không    |           |
|                                                                            |                                                                                    | Tỷ lệ %  |           | Tỷ lệ %     |           | Tỷ lệ %  |           |
|                                                                            |                                                                                    | Học sinh | Giáo viên | Học sinh    | Giáo viên | Học sinh | Giáo viên |
| Mức độ thực hiện các công việc sau đây khi em có quyết định sai lầm        |                                                                                    |          |           |             |           |          |           |
| 1                                                                          | Tạm thời dừng công việc lại để suy nghĩ                                            | 25,56    | 22,64     | 47,22       | 39,62     | 27,22    | 37,74     |
| 2                                                                          | Hỏi ý kiến bạn thân                                                                | 15,00    | 18,87     | 58,61       | 47,17     | 26,39    | 33,96     |
| 3                                                                          | Suy nghĩ, cân nhắc lý do bị thất bại                                               | 20,83    | 22,64     | 35,00       | 39,62     | 41,39    | 37,74     |
| 4                                                                          | Tìm tòi các giải pháp khác                                                         | 16,39    | 9,43      | 58,89       | 64,15     | 24,72    | 26,42     |
| 5                                                                          | Tham khảo ý kiến người lớn                                                         | 41,11    | 33,96     | 30,56       | 32,08     | 28,33    | 33,96     |
| 6                                                                          | Điều chỉnh lại quyết định                                                          | 41,11    | 32,08     | 28,61       | 33,96     | 30,28    | 33,96     |
| 7                                                                          | Không quan tâm đến ý kiến của người khác, cứ tiếp tục thực hiện quyết định sai lầm | 21,11    | 24,53     | 42,22       | 47,17     | 36,67    | 28,30     |
| 8                                                                          | Chán nản, bỏ bê công việc                                                          | 13,33    | 16,98     | 60,56       | 64,15     | 26,11    | 18,87     |
| 9                                                                          | Đổ lỗi cho người khác                                                              | 21,39    | 18,87     | 55,56       | 69,81     | 23,06    | 11,32     |
| 10                                                                         | Nhờ người khác quyết định giúp                                                     | 27,22    | 33,96     | 50,28       | 52,83     | 22,50    | 13,21     |
| Mức độ thực hiện công việc sau đây của em khi bạn em có quyết định sai lầm |                                                                                    |          |           |             |           |          |           |
| 1                                                                          | Phân tích những hậu quả với bạn khi bạn có quyết định sai lầm                      | 8,61     | 5,66      | 55,56       | 62,26     | 35,83    | 32,08     |
| 2                                                                          | Im lặng vì đó là quyết định của bạn, không liên quan đến mình                      | 56,39    | 50,94     | 31,67       | 33,96     | 11,94    | 15,09     |
| 3                                                                          | Cười đắc ý vì sự dại dột của bạn                                                   | 14,44    | 9,43      | 66,67       | 62,26     | 18,89    | 28,30     |
| 4                                                                          | Sẵn sàng giúp đỡ bạn khi bạn cần sự giúp đỡ                                        | 23,06    | 15,09     | 71,39       | 75,47     | 5,56     | 9,43      |
| 5                                                                          | Nhờ người khác (người lớn) ngăn chặn việc làm sai lầm của bạn                      | 31,11    | 22,64     | 56,39       | 69,81     | 12,50    | 7,55      |

Tỷ lệ hạn chế và không thực hiện những nội dung trong bảng 5 giữa học sinh tự đánh giá và giáo viên đánh giá có sự tương đồng và tỷ lệ khá cao. Chẳng hạn: tạm thời dừng công việc lại để suy nghĩ, học sinh tự đánh giá 74,44%, giáo viên là 77,36%, các nội dung còn lại như hỏi ý kiến bạn thân, suy nghĩ, cân nhắc lý do bị thất bại, tìm tòi các giải pháp khác,... cũng có tỷ lệ hạn chế và không thực hiện khá cao. Điều này cho thấy các em còn hạn chế nhiều khi tự ra quyết định cho bản thân.

Bên cạnh việc rèn luyện kỹ năng ra quyết định, học sinh phải biết tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình dù đó là quyết định đúng hay chưa đúng. Bảng khảo sát này

cũng cho thấy một số học sinh lại đổ lỗi cho người khác khi mình có quyết định sai lầm, tỷ lệ học sinh tự đánh giá nội dung này là 21,39%, giáo viên đánh giá là 18,87%, con số này tuy thấp nhưng giáo viên phải hết sức lưu ý trong quá trình rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh lớp 5. Khi bạn có quyết định sai lầm, học sinh phải biết cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ, cùng bạn phân tích những hậu quả khi bạn có quyết định sai lầm, đồng thời có thể nhờ người lớn can thiệp nếu quyết định sai lầm của bạn có tính nghiêm trọng. Kết quả khảo sát tỷ lệ thực hiện được những nội dung này từ phía học sinh và giáo viên đều rất thấp.

**Bảng 6.** Tự đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên về kỹ năng vượt qua căng thẳng

| TT | Kỹ năng vượt qua căng thẳng                                                    | Đánh giá |           |             |           |          |           |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------|-------------|-----------|----------|-----------|
|    |                                                                                | Có       |           | Còn hạn chế |           | Không    |           |
|    |                                                                                | Tỷ lệ %  |           | Tỷ lệ %     |           | Tỷ lệ %  |           |
|    |                                                                                | Học sinh | Giáo viên | Học sinh    | Giáo viên | Học sinh | Giáo viên |
| 1  | Tâm sự với bạn thân                                                            | 27,22    | 22,64     | 65,28       | 71,70     | 7,50     | 5,66      |
| 2  | Nói chuyện với cha mẹ, thầy cô giáo                                            | 13,33    | 9,43      | 42,50       | 39,62     | 44,17    | 32,08     |
| 3  | Đi chơi điện tử                                                                | 72,78    | 64,15     | 20,28       | 22,64     | 6,94     | 13,21     |
| 4  | Đi dạo một mình, tự làm đau bản thân                                           | 12,50    | 15,09     | 61,94       | 66,04     | 25,56    | 18,87     |
| 5  | Đi chơi với bạn bè                                                             | 27,22    | 22,64     | 16,94       | 30,19     | 55,83    | 47,17     |
| 6  | Trút giận lên các em nhỏ, bạn bè hoặc vật nuôi trong nhà                       | 46,94    | 43,40     | 26,67       | 22,64     | 26,39    | 33,96     |
| 7  | Đi tắm, nghe nhạc, chơi thể thao                                               | 6,67     | 5,66      | 37,50       | 50,94     | 55,83    | 43,40     |
| 8  | Trốn học, bỏ đi bụi, hút thuốc lá                                              | 5,83     | 3,77      | 63,89       | 67,92     | 30,28    | 28,30     |
| 9  | Xem ti vi                                                                      | 40,56    | 43,40     | 35,83       | 33,96     | 23,61    | 22,64     |
| 10 | Viết nhật ký, viết thư cho bạn bè, người thân, hít thở sâu, tưới cây, tưới hoa | 1,39     | 3,77      | 42,22       | 45,28     | 56,39    | 50,94     |
| 11 | Xé sách vở                                                                     | 25,28    | 22,64     | 47,78       | 52,83     | 26,94    | 24,53     |
| 12 | Đập phá đồ dùng, đồ chơi của bản thân, bỏ ăn                                   | 48,06    | 45,28     | 31,67       | 32,08     | 20,28    | 22,64     |
| 13 | Gào thét                                                                       | 58,33    | 56,60     | 25,83       | 16,98     | 15,83    | 26,42     |
| 14 | Khóc lóc                                                                       | 72,50    | 71,70     | 26,67       | 28,30     | 0,83     | 0,00      |

Căng thẳng là phản ứng của cơ thể trước sự bất ổn về tinh thần. Khi bị căng thẳng, con người có những thái độ cả tích cực lẫn tiêu cực. Với học sinh lớp 5, nhận thức của các em về các vấn đề xảy ra trong cuộc sống còn non nớt, do đó khi bị căng thẳng đa số các em có cách giải quyết chưa phù hợp. Kết quả ở bảng 6 đã thể hiện điều này. Một số việc làm tích cực như: tâm sự với bạn thân, nói chuyện với cha mẹ, thầy cô giáo, chơi thể thao, nghe nhạc, tưới cây, tưới hoa,... có tỷ lệ đánh giá khá thấp (cả học sinh và giáo viên) trong khi tỷ lệ hạn chế và không thực hiện lại rất cao, hầu hết trên 70%. Chẳng hạn: tâm sự với bạn thân, học sinh tự đánh giá có chiếm 27,22%, giáo viên đánh giá là 22,64%, trong khi đó tỷ lệ hạn chế và không thực hiện ở học sinh là 72,78%, giáo viên là 77,36%; nói chuyện với cha mẹ, thầy cô giáo thì học sinh tự đánh giá có là 13,33%, giáo viên là 9,43% trong khi hạn chế và không thực hiện chiếm tỷ lệ rất cao: học sinh là 86,67% và giáo viên là 71,68%,... Trao đổi với cô N.T.L, cô cho biết: “*khi học sinh bị căng thẳng do*

*bạn chọc ghẹo hay bạn lấy đồ chơi, lập tức học sinh quát mắng bạn mình, thậm chí còn vung tay đập vào mặt bạn*”. Cô N.T.N.H chia sẻ thêm: “*một số học sinh còn thích gây gổ với bạn, xé vở bạn vứt vào thùng rác, gạt chân bạn đang đi để bạn té, thậm chí giật đồ ăn của bạn vứt luôn*”.

Vấn nạn bạo lực học đường đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng ở các cấp học, trong đó có bậc tiểu học. Ngoài những học sinh khuyết tật, cá biệt học hòa nhập, nhất là những em bị tăng động hay chọc phá và đánh bạn thì bên cạnh đó có những học sinh hết sức bình thường nhưng lại đối xử với bạn bè xung quanh “không bình thường”. Các số liệu ở bảng 6 cho thấy những hành động tiêu cực như: trút giận lên các em nhỏ, bạn bè hoặc vật nuôi trong nhà, đập phá đồ dùng, đồ chơi của bản thân; gào thét và bỏ ăn,... được học sinh tự đánh và giáo viên đánh giá với tỷ lệ khá cao. Những số liệu này rất đáng lo ngại đối với người làm công tác giáo dục, đặc biệt là đối với giáo viên dạy kỹ năng sống cho học sinh lớp 5.

### 3. KẾT LUẬN

Mức độ rèn luyện kỹ năng đạt mục tiêu chưa cao. Nguyên nhân là học sinh lớp 5 còn mang nặng tư duy trực quan, rập khuôn, hình thức và chưa dám thể hiện ý tưởng riêng của mình; Kỹ năng thuyết trình chưa được chú trọng. Mặc dù kênh thông tin khá đầy đủ và chính xác, nhưng khả năng thể hiện của học sinh trước đám đông còn hạn chế rất nhiều, phần lớn do các em thiếu tự tin, chưa biết cách diễn đạt lưu loát; Học sinh chưa được hình thành kỹ năng hợp tác với bạn bè và mọi người. Các em chưa mạnh dạn xung phong nhận

nhiệm vụ, chưa biết chịu trách nhiệm chung trong nhóm; Học sinh lớp 5 mới chỉ bước đầu biết tìm kiếm và xử lý thông tin. Hầu hết các em chưa được sử dụng các công cụ thông minh khi ra đường. Do đó, cách xử lý tình huống chưa nhanh và chưa hiệu quả; Kỹ năng ra quyết định cũng còn hạn chế rất nhiều. Phần lớn các em dựa vào người lớn, chưa tự quyết định những việc liên quan đến bản thân; Học sinh chưa có kỹ năng vượt qua căng thẳng. Vì thế, khi bị căng thẳng, phần lớn học sinh có phản ứng tiêu cực. Điều này gây nên tình trạng bạo lực học đường ngày càng tăng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương – Khóa XI (2013), *Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học*, ngày 04 tháng 9 năm 2020, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa*, ngày 28 tháng 02 năm 2014, Hà Nội.
- [4] Lưu Thu Thủy, Trần Thị Tổ Oanh, Nguyễn Thị Thu Hà (2016), *Bài tập rèn luyện kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 5*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [5] Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*, ngày 14 tháng 6 năm 2019, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 10-3-2021. Ngày biên tập xong: 12-3-2021. Duyệt đăng: 25-3-2021